FireAnt

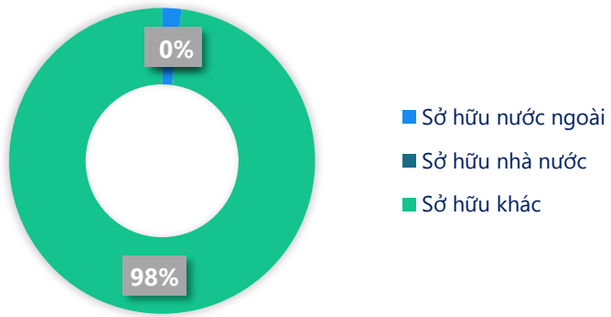
CTCP Minh khang Capital Trading Public (HNX: CTP)

CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

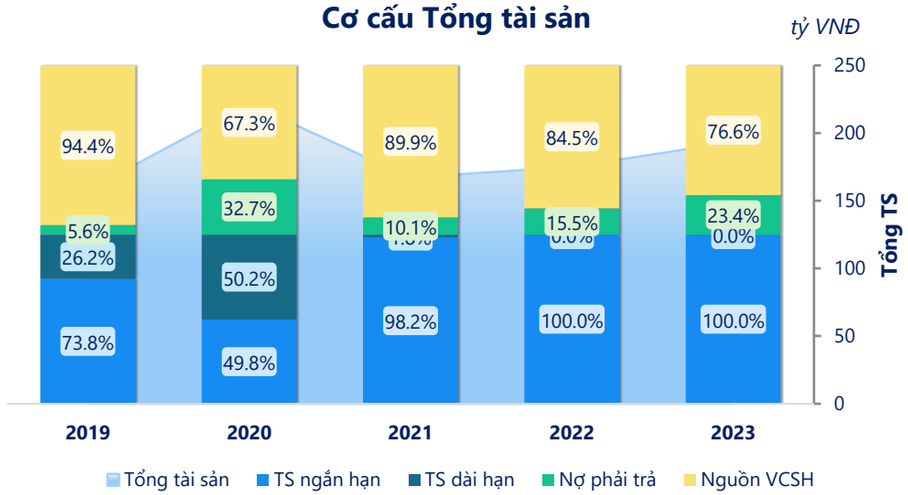
Thông tin giao dịch	29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)	4,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
SL cổ phiếu LH	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	141,810
% sở hữu nước ngoài	2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	148
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	54
P/E	236.9
EPS	19

	YTD	1T	3T	6T
CTP	15.4%	-2.2%	0.0%	2.3%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%

Cơ cấu sở hữu



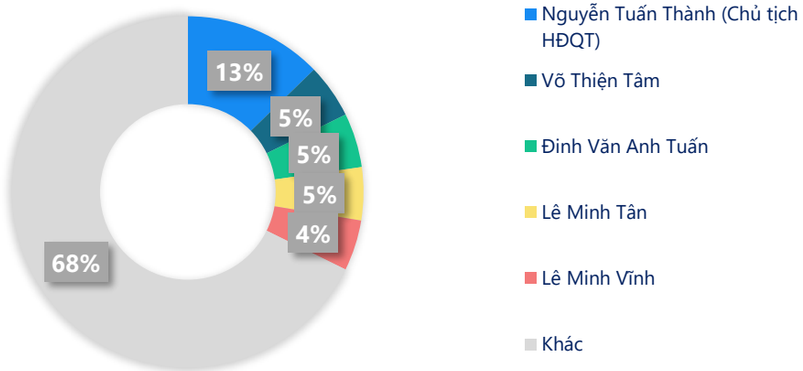
Cơ cấu Tổng tài sản



Tổng tài sản của CTP năm 2023 tăng trưởng 10.4% so với năm trước, đạt 193.3 tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trong Tổng tài sản là 100.0%, lớn hơn tài sản dài hạn. Với cơ cấu Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là 76.6%, cao hơn nợ phải trả.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

Cơ cấu cổ đông

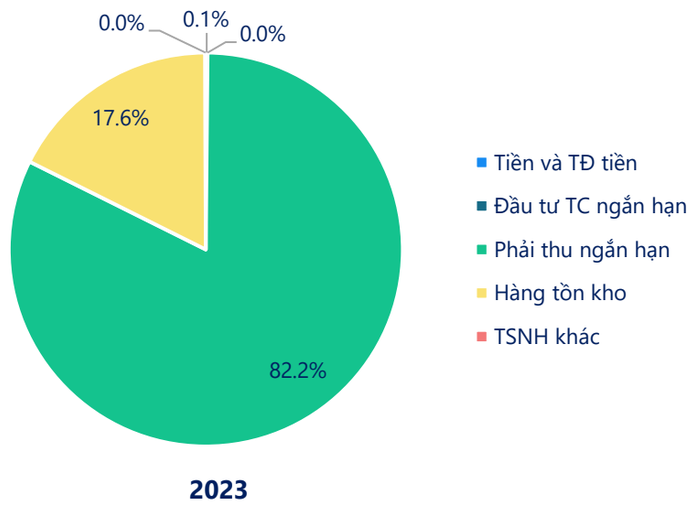


Về cơ cấu sở hữu, sở hữu khác chiếm tỷ lệ cao nhất là 98.0%, tiếp đến là sở hữu nước ngoài 2.03% và cuối cùng là sở hữu nhà nước 0.00%.

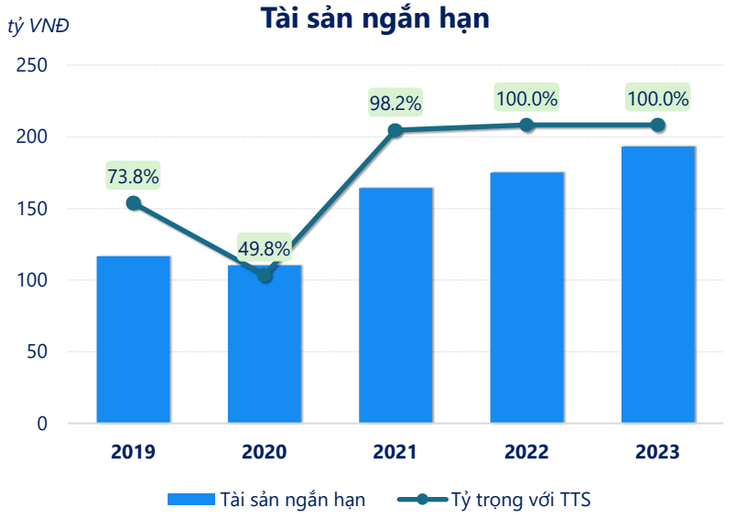
Trong đó, cổ đông lớn nhất là Nguyễn Tuấn Thành (Chủ tịch HĐQT) sở hữu 12.7%, lớn thứ 2 là Võ Thiện Tâm nắm giữ 5.00% và đứng thứ 3 là Đinh Văn Anh Tuấn nắm giữ 4.99%.

CTCP Minh khang Capital Trading Public (HNX: CTP)

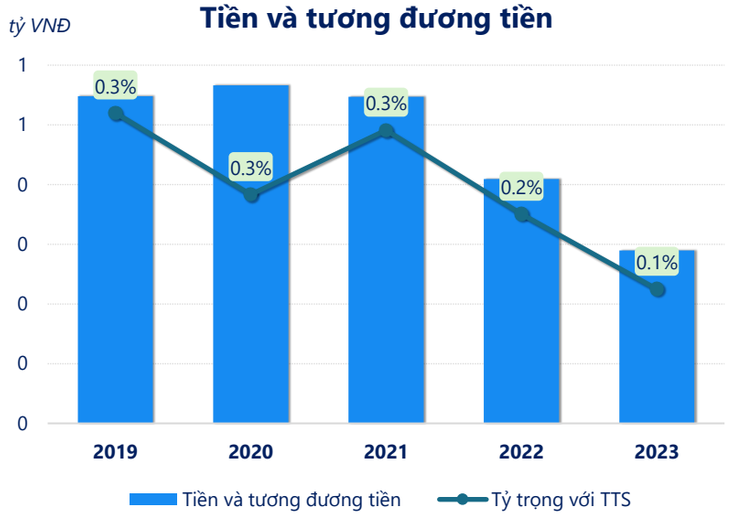
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tài sản ngắn hạn



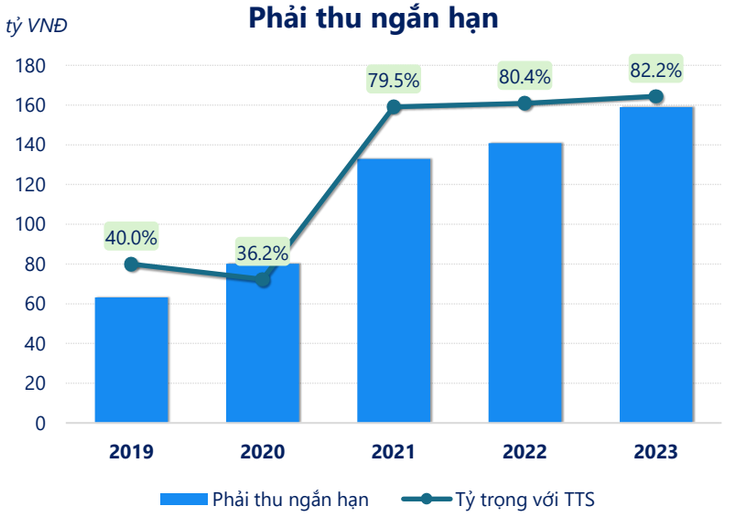
Tiền và tương đương tiền



Tài sản ngắn hạn năm 2023 của CTP đạt 193.3 tỷ đồng, tăng trưởng 10.4% so với năm trước. Cùng với đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên so với năm trước chiếm 100.0% tổng tài sản. Trong đó, phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất 82.2%, tiếp đến là hàng tồn kho chiếm 17.6% trên tổng tài sản.

Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

Phải thu ngắn hạn



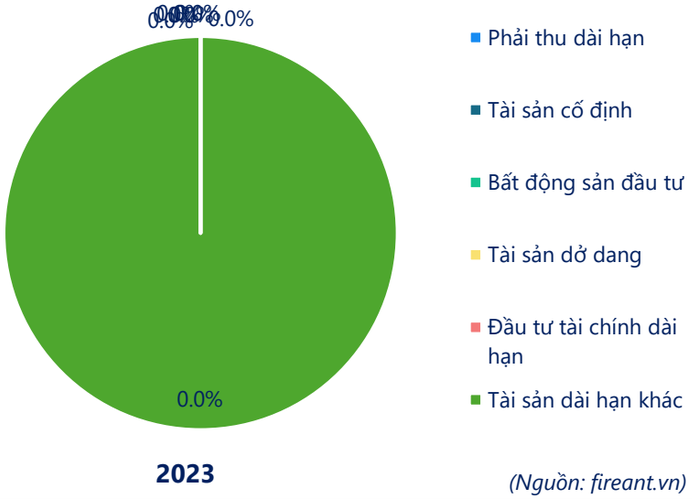
Hàng tồn kho



Powered by Infographic

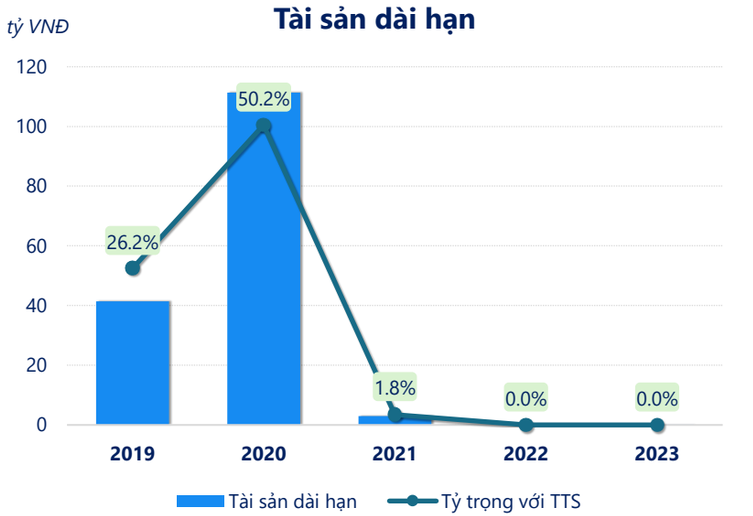
CTCP Minh khang Capital Trading Public (HNX: CTP)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



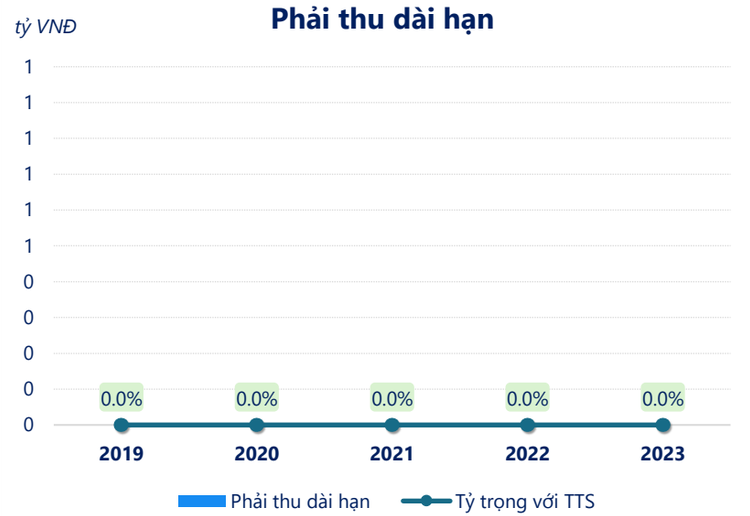
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu dài hạn

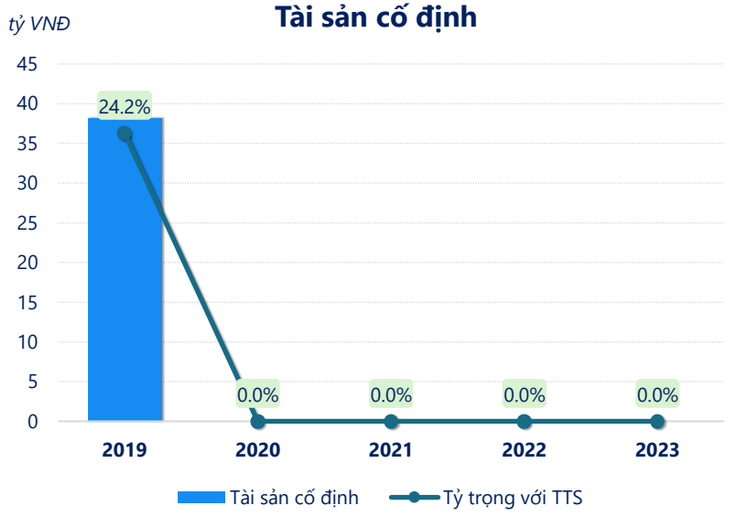


(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dài hạn đạt 0.01 tỷ đồng giảm 36.4% so với năm trước. Dẫn đến, tỷ trọng trên tổng tài sản giảm còn 0.00%. Trong đó tài sản dài hạn khác chiếm cao nhất 0.00%, sau đó là lợi thế thương mại chiếm 0.00%.

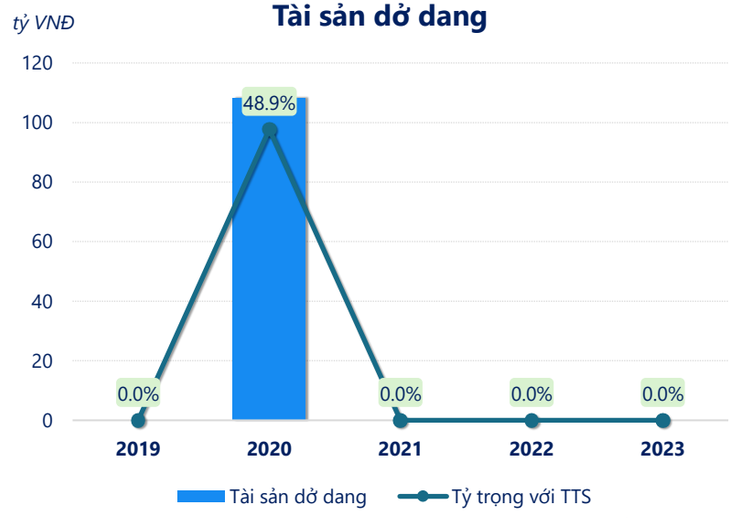
Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.

Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

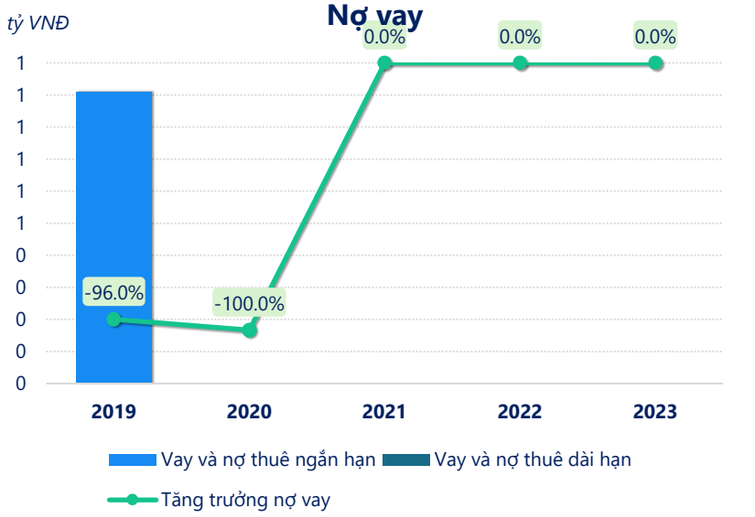
Tài sản dở dang



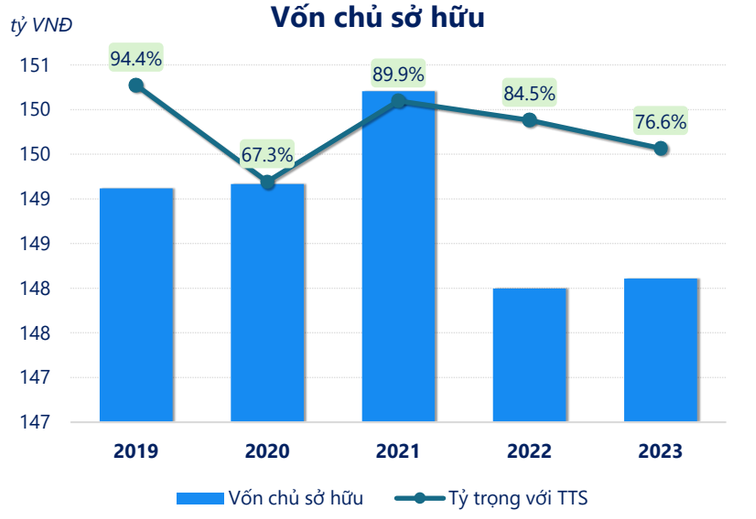
(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Minh khang Capital Trading Public (HNX: CTP)

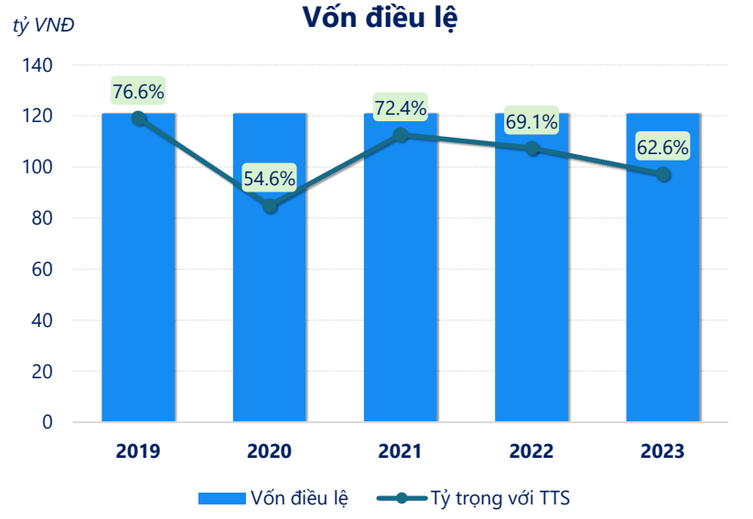
Nợ vay



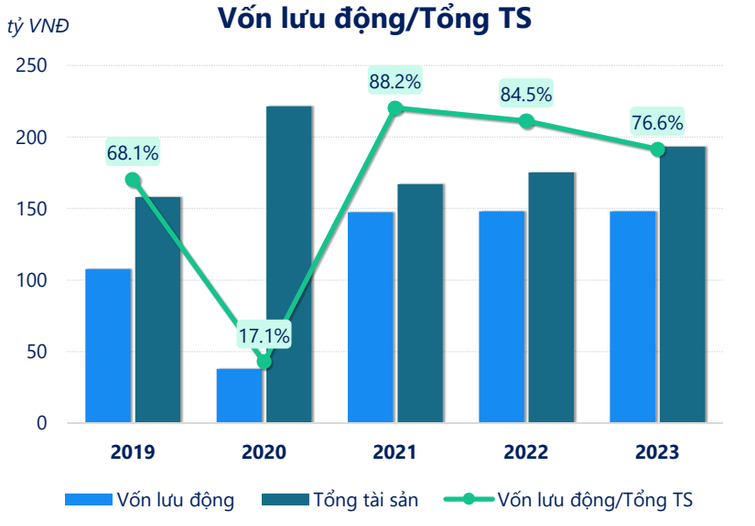
Vốn chủ sở hữu



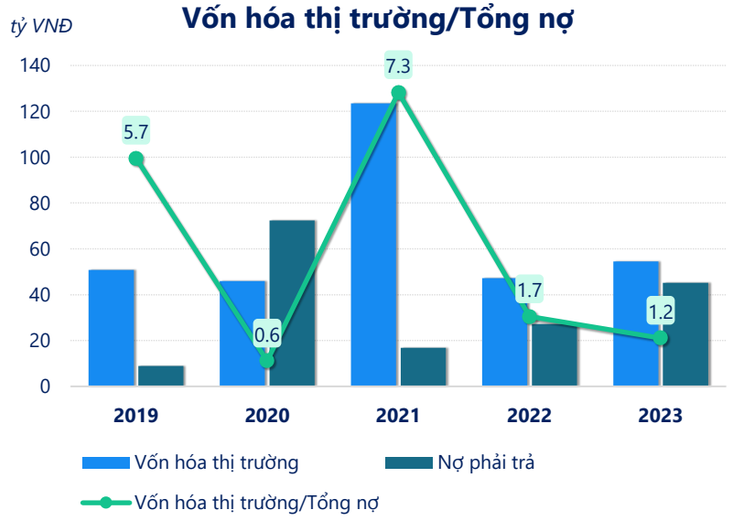
Vốn điều lệ



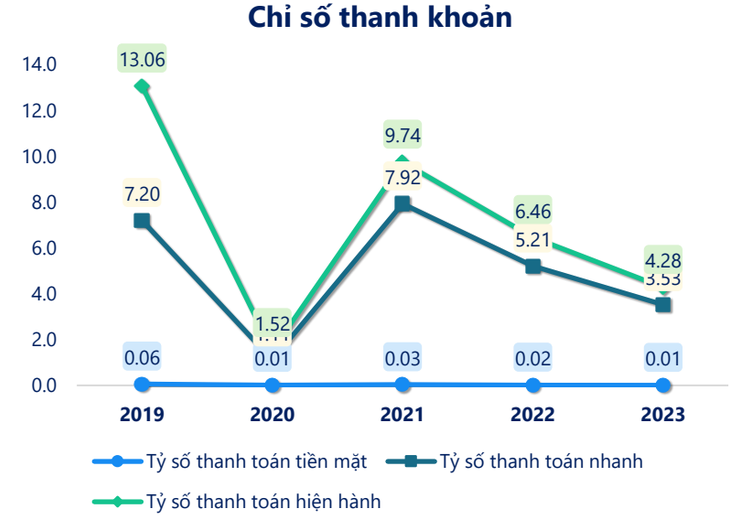
Vốn lưu động/Tổng TS



Vốn hóa thị trường/Tổng nợ



Chỉ số thanh khoản



FireAnt

CTCP Minh khang Capital Trading Public (HNX: CTP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	**193**	**175**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	193	175	10.4%
Tiền và tương đương tiền	0.29	0.41	-29.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	159	141	12.9%
Hàng tồn kho	34.0	33.7	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.15	-31.6%
Tài sản dài hạn	**0**	**0.01**	**-100%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.01**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.1	27.1	66.4%
Nợ ngắn hạn	**45.1**	**27.1**	**66.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	40.4	22.4	80.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**148**	**148**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**148**	**148**	**0.2%**
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**145**	**108**	**74.9**	**118**	**88.2**
Giá vốn hàng bán	136	106	73.6	116	86.8
Lợi nhuận gộp	**8.70**	**2.34**	**1.29**	**2.04**	**1.45**
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.13
Chi phí TC	-0.78	0.00	0	0	0.00
Chi phí lãi vay	**0.22**	**0.00**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.00	0	0	0.07
Chi phí QLDN	1.52	1.71	1.14	1.08	1.24
LN thuần từ HĐKD	**7.96**	**0.63**	**0.14**	**0.96**	**0.27**
Lợi nhuận khác	-1.14	-0.57	1.15	-0.01	-0.02
LN trước thuế	**6.81**	**0.06**	**1.30**	**0.95**	**0.24**
Lợi nhuận sau thuế	**6.42**	**0.05**	**1.04**	**0.71**	**0.11**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.42**	**0.05**	**1.04**	**0.71**	**0.11**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.8	72.7	-109	-0.14	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.1	-71.8	109	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.8	-0.91	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.14	0.55	0.57	0.55	0.41
Lưu chuyển tiền thuần	**0.41**	**0.02**	**-0.02**	**-0.14**	**-0.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.55	0.57	0.55	0.41	0.29

Powered by Infographic